TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 tháng 12 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Vương Thị Thu.

2/ Ông Kiều Công Ích.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Dương Đình B, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ở hiện tại: Thôn S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

(Chị Hoa và anh Biên đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Đình B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/10/2008 tại Trụ sở UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau kết hôn, anh chị làm công nhân và chung sống với nhau tại huyện T, tỉnh Bình Dương đến tháng 8 năm 2019. Tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, do tình cảm không còn

gắn bó, xảy ra xung đột, cãi vã trong thời gian dài. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân nhau được 4 năm nay. Hiện anh B đang ở Thôn S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Dương Đình B1, sinh ngày 14/11/2008 (đang ở cùng anh B) và cháu Dương Đình Mạnh H1, sinh ngày 31/3/2014 (đã chết ngày 24/7/2017). Nếu vợ chồng ly hôn, chị đồng ý để anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B1, chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp, các vấn đề khác: Chị và anh B không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Dương Đình B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/10/2008 tại UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị H bỏ đi, từ đó anh và chị H sống ly thân. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có 02 con chung là Dương Đình B1, sinh ngày 14/11/2008 (hiện đang sống cùng anh). Sau ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu B1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và cháu Dương Đình Mạnh H1, sinh ngày 31/3/2014 (đã chết).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Dương Đình B. Về con chung: Giao cho anh B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Đình B1, sinh ngày 14/11/2008 (đang ở cùng anh B), chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H và anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn nuôi con chung giữa chị Bùi Thị H và anh Dương Đình B là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng: Giấy báo, Thông báo, Quyết định... hợp lệ nhưng anh B xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được. Còn nguyên đơn là chị Bùi Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Dương Đình B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa anh B và chị H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đến nay chị H yêu cầu được ly hôn anh B. Xét thấy, thực tế chị H và anh B sống ly thân đã lâu, không cùng nhau để xây dựng, vun vén hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung; Mục đích hôn nhân không đạt được; Mặt khác anh Dương Đình B có quan điểm đồng ý ly hôn với chị H. Vì vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh B là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H và anh B đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Đình B1, sinh ngày 14/11/2008 (đang ở cùng anh B) và cháu Dương Đình Mạnh H1, sinh ngày 31/3/2014 (đã chết). Chị H và anh B đều có quan điểm sau ly hôn, anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B1, anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh tại địa phương xã Q và kết quả ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ thì thấy rằng: Anh B và cháu B1 không chung sống cùng chị H nữa. Hiện nay, cháu B1 đang ở cùng anh B và theo học tại trường THCS T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, cháu có nguyện vọng được ở cùng anh B vì anh B chăm sóc cháu rất tốt. Do vậy, để cuộc sống của cháu B1 không bị xáo trộn, nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh B, giao cháu B1 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B tự nguyện không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị H tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba như đã trình bày trên, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp lật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Dương Đình B.

[3]. Về con chung: Giao cho anh Dương Đình B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dương Đình B1, sinh ngày 14/11/2008 (đang ở cùng anh B). Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do anh B tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị H tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2020/0003793, ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho chị Bùi Thị H 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vi Thị Năm